

Số: 352/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt và Nghị định số 67/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 55 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, khoản 4 Điều 93 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và khoản 3 Điều 50 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 187/2025/QH15 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội về kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt và Nghị định số 67/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương.

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
123/2025/NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ THIẾT KẾ KỸ THUẬT TỔNG THỂ
VÀ CƠ CHẾ ĐẶC THÙ CHO MỘT SỐ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT
(ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2026/NĐ-CP
NGÀY 04 THÁNG 3 NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ)

Điều 1. Bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 1

“1a. Khoản 14 Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV về bổ sung hình thức đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam.

1b. Khoản 13 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV về cho phép tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam thành các dự án độc lập.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3

“2. Báo cáo giữa kỳ là báo cáo được thực hiện trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng để phân tích, đánh giá các yếu tố đầu vào của dự án nhằm xác định hướng tuyến, vị trí các điểm không chế, vị trí công trình chính trên tuyến, lựa chọn phương án công nghệ, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án và dự kiến phân chia dự án thành phần.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Nguyên tắc và các quy định chung về thực hiện dự án

1. Việc khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng; quản lý năng lực; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; lựa chọn nhà thầu, quản lý hợp đồng xây dựng; kiện toàn Ban quản lý dự án chuyên ngành thực hiện theo các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt quy định cụ thể tại Nghị định này. Những nội dung không được quy định trong Nghị định này thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý hợp đồng xây dựng và pháp luật có liên quan.

Việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định có liên quan về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án tại Chương II, Chương III của Nghị định này, trường hợp cần thiết, Bộ Xây dựng được quy định, hướng dẫn riêng về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng theo đặc thù cho dự án.

2. Các quy định về lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, phê duyệt dự án áp dụng đối với dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam thực hiện theo hình thức đầu tư công được xác định tại Nghị quyết số 172/2024/QH15. Trường hợp các dự án thành phần được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc theo hình thức đầu tư kinh doanh, việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần và triển khai các bước tiếp theo thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý hợp đồng xây dựng và pháp luật có liên quan.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng; lựa chọn nhà thầu; quản lý hợp đồng phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, tuân thủ các quy định về phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực.

4. Việc áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) cho dự án do người quyết định đầu tư quyết định phù hợp với đặc thù của dự án; khuyến khích tích hợp dữ liệu từ hệ thống thông tin địa lý (GIS), hệ thống quản lý tài sản (AIM) và bản sao kỹ thuật số song sinh (Digital Twin), mô phỏng và đánh giá lựa chọn phương án, quản lý vận hành dự án, các công nghệ hiện đại, công nghệ số trong khảo sát, thiết kế, xây dựng. Việc khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu BIM, GIS, AIM, Digital Twin đối với các dự án phải đảm bảo yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh.

5. Đối với dự án được lập thiết kế FEED thay thiết kế cơ sở tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng thực hiện theo trình tự thiết kế 02 bước gồm thiết kế FEED và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế FEED (thiết kế chi tiết theo thông lệ quốc tế hoặc thiết kế bản vẽ thi công), bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng.

6. Dự án được thực hiện song song, đồng thời, kết hợp các nội dung công việc theo quy định tại Nghị định này để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, song cần đảm bảo thứ tự hoàn thành và đảm bảo tính thống nhất của toàn dự án.

Dự án được bổ sung các chi phí cần thiết do điều chỉnh khi triển khai song song, đồng thời. Cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư quyết định việc bổ sung các chi phí này. Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định việc bổ sung kinh phí trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư.

7. Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án đường sắt và lập quy hoạch vùng phụ cận nhà ga đường sắt, quy hoạch khu vực TOD đối với tuyến đường sắt đô thị phải có sự phối hợp chặt chẽ để đảm bảo kết nối

không gian và giao thông hợp lý. Trường hợp triển khai thiết kế FEED của dự án có dẫn đến việc điều chỉnh ranh giới nhà ga đường sắt, chủ đầu tư cần thông báo kịp thời đến cơ quan, tổ chức lập quy hoạch vùng phụ cận ga đường sắt, quy hoạch khu vực TOD để cập nhật, điều chỉnh tương ứng.

8. Dự án được thuê tư vấn nước ngoài để thực hiện các công việc hỗ trợ chuẩn bị dự án, quản lý dự án, lập, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, giám sát thi công, đánh giá an toàn hệ thống, tư vấn pháp lý và một số công việc tư vấn khác theo quyết định của người có thẩm quyền.

9. Ngoài các công việc về khảo sát xây dựng; lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án được quy định cụ thể tại các Chương II, Chương III và Chương IV của Nghị định này; các hoạt động được thực hiện trước theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Nghị quyết số 172/2024/QH15 và khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 188/2025/QH15 được lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí cụ thể như sau:

a) Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được giao lập dự toán chi phí các hoạt động thực hiện trước tổ chức lập dự toán, thẩm định và phê duyệt;

b) Chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án (gồm chi phí xây dựng trụ sở, các văn phòng hiện trường, mua sắm phương tiện và các chi phí quản lý dự án theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng) để triển khai các hoạt động thực hiện trước được xác định bằng cách lập dự toán phù hợp với nhiệm vụ được giao, phạm vi, nội dung công việc phải thực hiện. Các chi phí này được ứng trước từ chi phí quản lý dự án.

10. Dự án đang triển khai thực hiện thuộc danh mục được áp dụng các cơ chế đặc thù, đặc biệt tại Nghị quyết số 188/2025/QH15 được sử dụng vốn đối ứng để tiếp tục triển khai các công việc của dự án trong trường hợp có yêu cầu thay đổi, dùng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài để đáp ứng yêu cầu về tiến độ của dự án. Việc triển khai các thủ tục về nguồn vốn của dự án, điều chỉnh dự án phải thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

11. Các dự án thuộc Danh mục dự án trọng yếu có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh phải được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có ý kiến thống nhất về việc bảo đảm quốc phòng, an ninh trước khi phê duyệt dự án.

12. Hồ sơ đề xuất, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thực hiện theo các quy định đối với dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo pháp luật về lâm nghiệp.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam được người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Trong quá trình thực hiện dự án, chủ đầu tư được cập nhật, bổ sung, thay đổi các tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với từng bước thiết kế, giai đoạn thực hiện. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo để người quyết định đầu tư có ý kiến trước khi quyết định cập nhật, bổ sung, thay đổi. Người quyết định đầu tư có ý kiến về nội dung đề nghị của chủ đầu tư trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ đầu tư.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng để phục vụ lập Báo cáo giữa kỳ phải có đủ thông tin làm cơ sở phân tích, đánh giá tác động đến cộng đồng dân cư và ảnh hưởng của việc giải phóng mặt bằng nơi tuyến đường sắt dự kiến đi qua làm cơ sở phân tích, lựa chọn tuyến và công trình trên tuyến.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Nội dung của kết quả khảo sát tích hợp được vào mô hình thông tin công trình (BIM) của dự án theo tiêu chuẩn áp dụng thỏa thuận được nêu tại hợp đồng của các bên có liên quan. Dữ liệu khảo sát trong mô hình BIM phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ theo báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đã được phê duyệt, phục vụ cho quá trình thiết kế FEED.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8

“2. Nhà thầu khảo sát xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về chất lượng khảo sát xây dựng do mình thực hiện. Việc phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng của cơ quan chuẩn bị dự án không thay thế và không làm giảm trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng do nhà thầu khảo sát xây dựng thực hiện.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Căn cứ nhiệm vụ thiết kế được chấp thuận, nhà thầu tư vấn lập dự án thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án gồm: lập Báo cáo giữa kỳ theo nội dung quy định tại Điều 12 Nghị định này và triển khai

hoàn thành toàn bộ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án theo quy định tại Điều 13 Nghị định này. Riêng các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được lập theo dự án độc lập.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Báo cáo giữa kỳ được Hội đồng thẩm định cho ý kiến, báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận theo trình tự quy định tại Điều 16 Nghị định này.”.

3. Bãi bỏ khoản 4.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Việc lập, thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trong quá trình chuẩn bị, thực hiện dự án, theo yêu cầu kỹ thuật, nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng, chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án theo quy định pháp luật về địa chất và khoáng sản, làm cơ sở xác định các mỏ khoáng sản, báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh trữ lượng, kéo dài thời hạn khai thác, nâng công suất hoặc điều chỉnh, bổ sung vào phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 12

“Điều 12. Nội dung Báo cáo giữa kỳ của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Thuyết minh chung của Báo cáo giữa kỳ gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin chung về dự án, vị trí xây dựng;

b) Phân tích, đánh giá các phương án công nghệ, phương án tuyến, vị trí công trình chính trên tuyến;

c) Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính quy định tại Điều 22 Nghị định này;

d) Đánh giá ban đầu về hiệu quả kinh tế - xã hội; tiến độ thực hiện dự án; đánh giá các yếu tố rủi ro; phân tích sơ bộ về định hướng phát triển vùng phụ cận ga đường sắt theo mô hình TOD;

đ) Đề xuất lựa chọn phương án hướng tuyến và vị trí các điểm khống chế, vị trí công trình chính trên tuyến, phương án công nghệ, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;

e) Đề xuất về việc phân chia dự án thành phần, tiểu dự án, hình thức đầu tư, tiến độ triển khai dự án thành phần, xác định dự án thành phần được ưu tiên triển khai trước khi phê duyệt dự án tổng thể (nếu có).

2. Hồ sơ thiết kế FEED tại Báo cáo giữa kỳ gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tổng hợp các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được chấp thuận trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và đề xuất các tiêu chuẩn cần chấp thuận liên quan đến thiết kế công nghệ;

b) Thuyết minh tính khả thi đối với việc lựa chọn hướng tuyến và vị trí các điểm khống chế, vị trí công trình chính trên tuyến;

c) Phương án kết nối với các đầu mối, tuyến giao thông quan trọng, khu chức năng và khu đô thị;

d) Đề xuất sơ bộ về phân chia dự án thành phần (nếu có);

đ) Bản vẽ, thuyết minh kèm theo gồm: mô tả cấu trúc tổng thể của hệ thống đường sắt; các bản vẽ thể hiện hướng tuyến và vị trí các điểm khống chế, vị trí công trình chính trên tuyến;

e) Mô hình thông tin công trình (BIM) (nếu có).".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Thuyết minh chung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng gồm các nội dung được chấp thuận của Báo cáo giữa kỳ và các nội dung chủ yếu sau:

a) Sự cần thiết, mục tiêu đầu tư xây dựng, quy mô công suất; đánh giá sự phù hợp với chủ trương đầu tư;

b) Địa điểm xây dựng, diện tích và chức năng sử dụng đất; đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án và quy hoạch có liên quan;

c) Phân tích các yếu tố đảm bảo thực hiện dự án về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, sử dụng tài nguyên, sử dụng lao động, lựa chọn công nghệ, thiết bị, giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, khai thác, sử dụng;

d) Phương án phân chia dự án thành phần, dự án thành phần độc lập, phân kỳ đầu tư; đề xuất hình thức đầu tư cho các dự án thành phần;

đ) Kết quả thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường;

e) Dự kiến thời gian thực hiện dự án;

g) Đề xuất kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, phương án phân chia các gói thầu thi công xây dựng, gói thầu EPC, EC, EP;

h) Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

i) Nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn (nếu có); phân tích tài chính, rủi ro; chi phí khai thác, sử dụng công trình; dự kiến về khả năng đáp ứng nguồn vốn cho khai thác, bảo trì, công trình;

k) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, việc bảo đảm quốc phòng - an ninh của dự án; phân tích về định hướng phát triển vùng phụ cận ga đường sắt theo mô hình TOD;

l) Phương án đào tạo để quản lý, vận hành, bảo trì, sửa chữa; phương án chuyển giao công nghệ;

m) Kiến nghị các cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án;

n) Các nội dung cần thiết khác.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Nội dung giải trình về công nghệ của dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Hồ sơ đề xuất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo pháp luật về lâm nghiệp được thực hiện tại bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phạm vi ranh giới của dự án. Chủ đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện thủ tục về chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo pháp luật về lâm nghiệp làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 14

“Điều 14. Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập để thẩm định dự án đồng thời với quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Các thành viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; đại diện lãnh đạo Thanh tra Chính phủ; đại diện lãnh đạo Kiểm toán nhà nước; đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực Hội đồng và có các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng với các nội dung chủ yếu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; đề xuất thành lập các tổ chuyên gia thẩm định liên ngành; mời các cơ quan chuyên môn có liên quan, tổ chức tư vấn, chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (nếu có) tham gia thẩm định;

b) Giúp Chủ tịch Hội đồng tổ chức công việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và các hoạt động chung của Hội đồng; phối hợp với các tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, các cơ quan liên quan, tư vấn thẩm tra để thực hiện các công việc của Hội đồng;

c) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ cho ý kiến Báo cáo giữa kỳ, hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng, các cơ quan, đơn vị có liên quan;

d) Xây dựng kế hoạch thẩm định, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thực hiện thẩm định theo các nội dung quy định tại Điều 18 Nghị định này;

đ) Tổng hợp kết quả cho ý kiến Báo cáo giữa kỳ của Hội đồng trình người quyết định đầu tư chấp thuận; tổng hợp kết quả thẩm định của tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, dự thảo Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của Hội đồng;

e) Đóng dấu xác nhận bản vẽ thiết kế xây dựng đối với các nội dung thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

4. Hội đồng thẩm định có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Xem xét, quyết định các vấn đề về nội dung, chương trình và kế hoạch công tác của Hội đồng, thường trực Hội đồng và các vấn đề khác có liên quan trong quá trình thẩm định dự án;

b) Yêu cầu cơ quan chuẩn bị dự án, tổ chức tư vấn, các cơ quan có liên quan cung cấp các tài liệu liên quan trong quá trình cho ý kiến, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

c) Thành lập một hoặc một số tổ chuyên gia thẩm định liên ngành theo đề nghị của cơ quan thường trực;

d) Sử dụng con dấu của Bộ Xây dựng cho các văn bản của Hội đồng và Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng ký ban hành;

đ) Yêu cầu chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra một số nội dung hoặc mời tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm tham gia thẩm định trong trường hợp cần thiết. Chi phí thuê tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư và do cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư chi trả.

5. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành gồm đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc bộ, ngành, địa phương và các cơ quan khác có liên quan, các đơn vị tư vấn, chuyên gia (nếu có). Tổ trưởng tổ chuyên gia thẩm định liên ngành là lãnh đạo cơ quan chuyên môn theo chuyên ngành, lĩnh vực thẩm định. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có các nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị các nội dung xin ý kiến Hội đồng trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và các nội dung thẩm định để gửi cho các thành viên Hội đồng;

b) Chuẩn bị các nội dung yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đề nghị của các thành viên Hội đồng trong quá trình thẩm định;

c) Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng, đề xuất, trình Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định những vấn đề cần xử lý trong quá trình thẩm định;

d) Dự thảo báo cáo kết quả thẩm định theo chuyên ngành, lĩnh vực được phân công;

đ) Thực hiện các công việc khác được Hội đồng giao.

6. Hội đồng thẩm định tổ chức cho ý kiến trong quá trình lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo hình thức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

7. Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ tập thể dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng. Phiên họp Hội đồng thẩm định được coi là hợp lệ khi có ít nhất 50% số thành viên tham dự (kể cả người được ủy quyền). Các ý kiến kết luận được thống nhất theo nguyên tắc đa số. Trường hợp tỷ lệ biểu quyết là bằng nhau và đạt 50% số thành viên Hội đồng (bao gồm cả số có mặt tại phiên họp và số biểu quyết bằng văn bản gửi đến Hội đồng), vấn đề được thông qua theo ý kiến đã biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

Kết luận cuối cùng thông qua các nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định thông qua. Ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định được thực hiện bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng văn bản gửi đến Hội đồng thẩm định.

8. Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tổ chức thẩm định theo nhiệm vụ được giao; về nội dung ý kiến, kết quả thẩm định, kết luận và kiến nghị của Hội đồng thẩm định theo quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định.

9. Hội đồng thẩm định, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành tự giải thể sau khi người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 16

“Điều 16. Nội dung, trình tự cho ý kiến Báo cáo giữa kỳ

1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để được Hội đồng thẩm định cho ý kiến đối với các đề xuất tại Báo cáo giữa kỳ. Hồ sơ được gửi theo hình thức trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản của Bộ Xây dựng hoặc gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

2. Hồ sơ xin ý kiến Hội đồng thẩm định gồm:

- a) Báo cáo giữa kỳ;
- b) Báo cáo kết quả thẩm tra của nhà thầu tư vấn thẩm tra;
- c) Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án;
- d) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Thời gian cho ý kiến của Hội đồng thẩm định không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận các nội dung đề xuất quy định tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 17

“Điều 17. Hồ sơ, trình tự thẩm định, quyết định đầu tư dự án

1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ được gửi theo hình thức trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản của Bộ Xây dựng hoặc gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

2. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

- a) Tờ trình;
- b) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

c) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra;

d) Văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư về Báo cáo giữa kỳ;

đ) Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án;

e) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định các nội dung quy định tại Điều 18 Nghị định này, ban hành Thông báo kết quả thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4. Chủ đầu tư gửi hồ sơ tổng mức đầu tư xây dựng đã được hoàn thiện theo nội dung yêu cầu tại Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định đến Kiểm toán nhà nước để thực hiện kiểm toán làm cơ sở phê duyệt dự án. Kiểm toán nhà nước có kết quả kiểm toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị kiểm toán.

5. Chủ đầu tư hoàn thiện toàn bộ hồ sơ dự án theo yêu cầu nêu tại Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và các yêu cầu của Kiểm toán nhà nước (nếu có), trình hồ sơ đã chỉnh sửa, hoàn thiện đến cơ quan thường trực Hội đồng.

6. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổng hợp, trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định đầu tư.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 18

“Điều 18. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Nội dung thẩm định của Hội đồng thẩm định bao gồm:

a) Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng với chủ trương đầu tư về mục tiêu, phạm vi, quy mô, hình thức đầu tư, công nghệ, tiến độ thực hiện;

b) Đánh giá về nhu cầu sử dụng đất; hình thức quản lý dự án; việc tổ chức quản lý dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án;

c) Đánh giá về thiết kế FEED;

d) Tổng mức đầu tư xây dựng; thời gian, tiến độ thực hiện; nguồn vốn; hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội;

đ) Kiểm tra việc thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; việc bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

e) Đánh giá sơ bộ về xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác vận hành dự án; phương án đào tạo để quản lý, vận hành, bảo trì, sửa chữa; phương án chuyển giao công nghệ;

g) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

2. Nội dung đánh giá thiết kế FEED tại điểm c khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Sự phù hợp của giải pháp thiết kế FEED với nhiệm vụ thiết kế được chấp thuận; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;

b) Sự phù hợp của thiết kế FEED với định hướng tại quy hoạch mạng lưới đường sắt;

c) Khả năng kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu vực;

d) Kiểm tra kết quả thẩm tra của nhà thầu tư vấn thẩm tra đáp ứng yêu cầu về: an toàn công trình; an toàn phòng cháy và chữa cháy; sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng;

đ) Đánh giá các nội dung về thiết kế công nghệ.

3. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 1 Điều 19

“l) Việc phân chia dự án thành phần; hình thức đầu tư đối với các dự án thành phần (nếu có);”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 22

“Điều 22. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính

1. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính của Báo cáo giữa kỳ nêu tại Điều 12 Nghị định này gồm chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng.

2. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính được xác định trên cơ sở thiết kế FEED của Báo cáo giữa kỳ. Phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng ước tính thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 23

“Điều 23. Tổng mức đầu tư xây dựng

1. Tổng mức đầu tư xây dựng được xác định phù hợp với thiết kế FEED và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng được xác định và quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Trường hợp dự án được phân chia thành các dự án thành phần; dự án thành phần độc lập (nếu có) thì tổng mức đầu tư xây dựng của dự án gồm tổng mức đầu tư các dự án thành phần; dự án thành phần độc lập.

2. Được tính toán, xác định trong tổng mức đầu tư xây dựng các khoản mục chi phí như các dự án đường sắt có tính chất, điều kiện triển khai tương tự trên thế giới đối với các khoản mục chi phí chưa được quy định trong pháp luật Việt Nam hoặc đã có quy định trong pháp luật Việt Nam nhưng chưa phù hợp với tính chất, điều kiện triển khai dự án. Trong đó:

a) Chi phí tư vấn xây dựng gồm các chi phí tư vấn xây dựng theo quy định; chi phí tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án; chi phí thuê tư vấn hỗ trợ quản lý dự án (nếu có); chi phí tư vấn pháp lý (nếu có); chi phí tư vấn có liên quan đến việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án; chi phí tư vấn đánh giá an toàn hệ thống; các chi phí tư vấn khác theo thông lệ quốc tế và điều kiện của dự án (nếu có) thuộc chi phí tư vấn xây dựng trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án;

b) Chi phí khác gồm các chi phí khác theo quy định; các chi phí khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án; các chi phí khác theo thông lệ quốc tế và điều kiện của dự án (nếu có) thuộc chi phí khác trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án.

3. Tổng mức đầu tư xây dựng được điều chỉnh khi dự án được điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này và trong các trường hợp được Quốc hội cho phép. Việc thẩm tra, thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 18 Nghị định này và quy định pháp luật về xây dựng.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 24

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Dự toán gói thầu EPC, EC, EP được xác định trên cơ sở các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng và các nội dung khác trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, phù hợp với thiết kế FEED, nội dung, phạm vi, thời gian thực hiện của gói thầu và được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Dự toán gói thầu EPC, EC, EP được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.”.

3. Bãi bỏ khoản 5.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 25

“Điều 25. Lập, thẩm tra, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được lập cho từng dự án thành phần, dự án thành phần độc lập, tiểu dự án (sau đây gọi là dự án thành phần).

2. Các nội dung của Dự án hỗ trợ kỹ thuật được quy định cụ thể như sau:

a) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại Dự án hỗ trợ kỹ thuật được tổ chức tư vấn do nhà tài trợ lựa chọn lập. Các nội dung về khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, tổng mức đầu tư được lập theo tiêu chuẩn của nhà tài trợ và được thể hiện trong thuyết minh, thiết kế xây dựng của Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Dự án hỗ trợ kỹ thuật;

b) Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được thẩm tra, thẩm định theo quy định của nhà tài trợ và thỏa thuận giữa hai Chính phủ trước khi bàn giao cho phía Việt Nam để thực hiện thẩm định, quyết định đầu tư theo quy định của Nghị định này;

c) Nhiệm vụ, phương án kỹ thuật, báo cáo khảo sát xây dựng tại Dự án hỗ trợ kỹ thuật do nhà tài trợ lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của nhà tài trợ thì không phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng;

d) Kết quả dự án hỗ trợ kỹ thuật lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được sử dụng để triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Đối với các dự án thành phần còn lại, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được lập theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng.

4. Chủ đầu tư lựa chọn tổ chức tư vấn lập hồ sơ đề xuất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo pháp luật về lâm nghiệp để hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án, trình thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

5. Theo yêu cầu của từng dự án thành phần, người quyết định đầu tư quyết định việc thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 14 Nghị định này để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Việc thẩm định của Hội đồng thẩm định được thực hiện song song, đồng thời trong thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

6. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, Hội đồng thẩm định được yêu cầu chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra một số nội dung hoặc mời tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm tham gia thẩm định trong trường hợp cần thiết. Chi phí mời tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định hoặc chi phí thẩm tra phục vụ thẩm định được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư và do cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư chi trả.

7. Việc lập, thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Trong quá trình chuẩn bị, thực hiện dự án, theo yêu cầu kỹ thuật, nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng, chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án theo quy định pháp luật về địa chất và khoáng sản, làm cơ sở xác định các mỏ khoáng sản, báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh trữ lượng, kéo dài thời hạn khai thác, nâng công suất hoặc điều chỉnh, bổ sung vào phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 26

“Điều 26. Hồ sơ, trình tự thẩm định, quyết định đầu tư dự án

1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng hoặc cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ được gửi theo hình thức trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản của Bộ Xây dựng hoặc gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

2. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Tờ trình;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

c) Báo cáo thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra hoặc báo cáo thẩm tra, thẩm định theo quy định của nhà tài trợ và thỏa thuận của hai Chính phủ đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này;

- d) Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án;
- đ) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định các nội dung quy định tại Điều 27 Nghị định này, ban hành Thông báo kết quả thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4. Chủ đầu tư gửi hồ sơ tổng mức đầu tư xây dựng đã được hoàn thiện theo nội dung yêu cầu tại Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định đến Kiểm toán nhà nước để thực hiện kiểm toán làm cơ sở phê duyệt dự án. Kiểm toán nhà nước có kết quả kiểm toán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị kiểm toán.

5. Chủ đầu tư hoàn thiện toàn bộ hồ sơ dự án theo yêu cầu nêu tại Thông báo kết quả thẩm định và các yêu cầu của Kiểm toán nhà nước (nếu có), trình hồ sơ đã chỉnh sửa, hoàn thiện đến cơ quan thường trực Hội đồng.

6. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan thường trực Hội đồng (trong trường hợp thẩm định theo hình thức Hội đồng thẩm định) tổng hợp kết quả thẩm định, trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định đầu tư.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 27

“Điều 27. Nội dung thẩm định, phê duyệt, quyết định đầu tư xây dựng

1. Nội dung thẩm định của cơ quan thẩm định bao gồm:

a) Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng với chủ trương đầu tư về mục tiêu, phạm vi, quy mô, hình thức đầu tư, công nghệ, tiến độ thực hiện;

b) Các yếu tố bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án; xác định tổng mức đầu tư xây dựng. Nội dung về tính hiệu quả của toàn dự án được đánh giá khi thực hiện thẩm định dự án thành phần có đầy đủ các thông tin về quy mô của toàn dự án;

c) Đánh giá về thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

d) Kiểm tra việc thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm tra việc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo pháp luật về lâm nghiệp; việc bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

đ) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

2. Nội dung đánh giá thiết kế xây dựng tại điểm c khoản 1 Điều này được quy định cụ thể như sau:

a) Sự phù hợp của giải pháp thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế được chấp thuận; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;

b) Sự phù hợp của thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng với quy hoạch mạng lưới đường sắt;

c) Khả năng kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu vực;

d) Kiểm tra kết quả thẩm tra của nhà thầu tư vấn thẩm tra đáp ứng yêu cầu về: an toàn công trình; an toàn phòng cháy và chữa cháy; sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; riêng đối với dự án thành phần quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này, việc đánh giá sự phù hợp của giải pháp phòng cháy và chữa cháy theo tiêu chuẩn của nhà tài trợ;

đ) Đánh giá các nội dung về thiết kế công nghệ.

3. Nội dung đánh giá về tổng mức đầu tư tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng; các căn cứ pháp lý để xác định tổng mức đầu tư xây dựng;

b) Sự phù hợp tổng mức đầu tư xây dựng so với sơ bộ tổng mức đầu tư và nội dung, yêu cầu của dự án;

c) Kiểm tra việc cập nhật kết quả hoàn thiện tổng mức đầu tư của Dự án hỗ trợ kỹ thuật đã được thẩm tra, thẩm định theo quy định của nhà tài trợ và thỏa thuận giữa hai nước trước khi bàn giao cho phía Việt Nam; kết quả phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng các dự án thành phần còn lại (nếu có);

d) Kiểm tra sự phù hợp của các khoản mục chi phí được bổ sung (nếu có) ngoài các nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư các dự án thành phần đã được thẩm định, phê duyệt;

đ) Yêu cầu chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ và tổng mức đầu tư xây dựng để trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

4. Việc quyết định đầu tư xây dựng được thể hiện tại quyết định phê duyệt dự án theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.”.

Điều 21. Bãi bỏ Điều 30.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 31

“Điều 31. Tổng mức đầu tư xây dựng

1. Tổng mức đầu tư xây dựng là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định theo thiết kế và các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án gồm tổng mức đầu tư dự án thành phần; dự án thành phần độc lập; tiểu dự án (nếu có); dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng độc lập (nếu có).

3. Việc xác định và quản lý chi phí của dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy định của pháp luật về đất đai đối với bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại các mỏ khoáng sản khai thác làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư các khu vực bãi đổ thải (nếu có) được tính trong chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Đối với dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này, tổng mức đầu tư xây dựng được xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 6 Điều này và các quy định, hướng dẫn của Bộ Xây dựng (nếu có) áp dụng cho dự án.

5. Đối với dự án thành phần không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, tiểu dự án (nếu có), tổng mức đầu tư xây dựng được xác định và quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

6. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án thành phần quy định tại khoản 4 Điều này gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí khác, chi phí dự phòng, lãi vay đầu tư (nếu có); chi phí mua sắm đầu máy toa xe; vốn lưu động (nếu có). Trong đó:

a) Chi phí khác của tổng mức đầu tư xây dựng gồm: chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn, chi phí khác theo quy định của Việt Nam và thông lệ quốc tế; một số chi phí đặc thù của dự án như chi phí tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án, chi phí tư vấn pháp lý (nếu có), chi phí tư vấn hỗ trợ quản lý dự án (nếu có), chi phí đào tạo quản lý vận hành và bảo trì, chi phí tư vấn và chi phí liên quan đến việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án, chi phí tư vấn đánh giá an toàn hệ thống và các khoản mục chi phí khác có liên quan;

b) Được sử dụng quy định của nhà tài trợ về phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, dữ liệu chi phí, giá vật liệu, thiết bị, giá nhân công, giá ca máy, tỷ lệ sử dụng lao động, hệ số điều chỉnh chênh lệch hiệu suất thi công giữa lao động của Việt Nam với nước ngoài và phụ cấp của lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam để xác định các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật;

c) Việc xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật do tổ chức tư vấn được nhà tài trợ lựa chọn thực hiện. Tổng mức đầu tư xây dựng được thẩm định cùng Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của Dự án hỗ trợ kỹ thuật theo quy định của nhà tài trợ và thỏa thuận giữa hai nước trước khi bàn giao cho phía Việt Nam.

7. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được phê duyệt cùng với việc phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị định này.

8. Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được điều chỉnh trong trường hợp điều chỉnh dự án theo quy định tại Điều 28 Nghị định này mà dẫn đến việc thay đổi tổng mức đầu tư xây dựng được duyệt.

Việc điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật được thực hiện trên cơ sở phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, dữ liệu chi phí, giá vật liệu, thiết bị, giá nhân công, giá ca máy và các quy định liên quan khác đã được áp dụng cho dự án.”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 32

“Điều 32. Dự toán xây dựng

1. Dự toán xây dựng được xác định cho công trình, hạng mục công trình, gói thầu xây dựng, công việc xây dựng.

2. Đối với công trình, hạng mục công trình, gói thầu xây dựng, công việc xây dựng thuộc dự án thành phần, tiểu dự án quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định này hoặc thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật nhưng không sử dụng công nghệ, tiêu chuẩn của nhà tài trợ, dự toán xây dựng được xác định và quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Đối với công trình, hạng mục công trình, gói thầu xây dựng của dự án thành phần thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật có sử dụng công nghệ, tiêu chuẩn của nhà tài trợ, dự toán xây dựng được xác định và quản lý theo quy định sau:

a) Dự toán xây dựng công trình là toàn bộ chi phí dự tính trước để thực hiện đầu tư xây dựng công trình, được xác định trên cơ sở thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Dự toán xây dựng công trình gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí khác, chi phí dự phòng, lãi vay đầu tư (nếu có); chi phí mua sắm đầu máy toa xe; vốn lưu động (nếu có). Trong đó, cơ cấu chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình tương tự cơ cấu chi phí khác của tổng mức đầu tư xây dựng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 31 Nghị định này.

b) Được sử dụng các quy định của nhà tài trợ Dự án hỗ trợ kỹ thuật lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng về phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, dữ liệu chi phí, giá vật liệu, thiết bị, giá nhân công, giá ca máy, tỷ lệ sử dụng lao động, hệ số điều chỉnh chênh lệch hiệu suất thi công giữa lao động của Việt Nam với nước ngoài và phụ cấp của lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam để xác định dự toán xây dựng công trình.

c) Việc thẩm tra, thẩm định dự toán xây dựng của chủ đầu tư được thực hiện cùng với việc thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng. Nội dung thẩm định dự toán xây dựng của chủ đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

4. Dự toán gói thầu gồm một hoặc một số các công việc: tư vấn xây dựng, thi công xây dựng công trình, cung cấp vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng, đào tạo quản lý vận hành, bảo trì và các công việc liên quan khác.

5. Căn cứ nội dung, phạm vi, tính chất, đặc điểm, điều kiện cụ thể của gói thầu để xác định dự toán gói thầu từ các khoản mục chi phí tương ứng trong tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình được duyệt hoặc xác định dự toán gói thầu trên cơ sở thiết kế xây dựng tương ứng hoặc xác định trên cơ sở đề cương, nhiệm vụ của công việc, khối lượng công việc và các chi phí tương ứng.”.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 33

“Điều 33. Lựa chọn nhà thầu tư vấn tham gia dự án

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn được phê duyệt đồng thời với quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Việc lựa chọn nhà thầu tư vấn được thực hiện theo hình thức chỉ định thầu và được thực hiện đồng thời trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

3. Chủ đầu tư được lựa chọn nhà thầu tư vấn để thực hiện đồng thời công tác khảo sát, lập thiết kế xây dựng triển khai sau bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; được lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm tra để thực hiện đồng thời công tác giám sát khảo sát, thẩm tra thiết kế xây dựng triển khai sau bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 35

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Đủ thông tin làm cơ sở phân tích, đánh giá tác động đến cộng đồng dân cư và ảnh hưởng của việc giải phóng mặt bằng nơi tuyến đường sắt dự kiến đi qua; xác định khu vực bãi đỗ chất thải rắn xây dựng phục vụ cho dự án;”.

2. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 như sau:

“c) Xác định hiện trạng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình ngầm và các công trình lân cận có khả năng ảnh hưởng đến phương án thiết kế, thi công và vận hành dự án.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Nội dung của kết quả khảo sát tích hợp được vào mô hình thông tin công trình (BIM) của dự án theo tiêu chuẩn áp dụng thỏa thuận được nêu tại hợp đồng của các bên có liên quan. Dữ liệu khảo sát trong mô hình BIM phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ theo báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đã được phê duyệt, phục vụ cho quá trình thiết kế FEED.”.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36

“2. Nhà thầu khảo sát chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về chất lượng khảo sát xây dựng do mình thực hiện. Việc phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng của cơ quan chuẩn bị dự án không thay thế và không làm giảm trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng do nhà thầu khảo sát thực hiện.”.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 39

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Xem xét, chấp thuận về công nghệ, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.”.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 40

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Phân tích, đánh giá phương án tuyến, vị trí công trình chủ yếu trên tuyến; phương án công nghệ; sơ bộ phương án tổ chức vận hành;”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Đánh giá ban đầu về hiệu quả kinh tế - xã hội, phân tích các yếu tố rủi ro; tiến độ thực hiện dự án;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000;”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Mô hình thông tin công trình (BIM) (nếu có).”.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 41

1. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Đánh giá tác động của dự án liên quan đến thu hồi đất, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai bao gồm đất trồng lúa, đất rừng (nếu có); phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng cho dự án (trừ trường hợp thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo dự án thành phần); đánh giá tiềm năng phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), khả năng khai thác giá trị tăng thêm từ đất và các nguồn thu liên quan.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 như sau:

“g) Thông tin, thông số kỹ thuật, vật liệu chủ yếu và các yêu cầu về công trình tuyến, các công trình trên tuyến: bình đồ, trắc dọc, trắc ngang; giải pháp thiết kế kiến trúc, kết cấu, cơ - điện công trình; đánh giá tính tương thích và khả năng kết nối với mạng lưới đường sắt đô thị hiện hữu và theo quy hoạch.”.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 43

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng được lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan về các nội dung thẩm định; được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp tham gia thẩm định hoặc thuê tổ chức thẩm tra phục vụ thẩm định.”.

Chi phí mời tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định hoặc chi phí thẩm tra phục vụ thẩm định được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư và do cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư chi trả.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng gồm:

a) Sự phù hợp của thiết kế FEED của dự án đường sắt đô thị với phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến được phê duyệt; sự phù hợp của thiết kế FEED của dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD với quy hoạch khu vực TOD được duyệt;

b) Khả năng kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu vực;

c) Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

d) Kiểm tra kết quả thẩm tra của nhà thầu tư vấn thẩm tra về đáp ứng yêu cầu về an toàn công trình; yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy;

e) Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Nội dung thẩm định của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư gồm:

a) Sự phù hợp với mục tiêu, quy mô đầu tư;

b) Việc đáp ứng các nội dung của hồ sơ thiết kế FEED với nhiệm vụ thiết kế; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án;

d) Yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án bao gồm xác định tổng mức đầu tư xây dựng; nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ; phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội;

đ) Đánh giá các nội dung về thiết kế công nghệ, chuyển giao công nghệ;

e) Việc thực hiện quy định về bảo vệ môi trường theo pháp luật về môi trường;

g) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.”.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 46

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, kiểm soát thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động xây dựng.”.

2. Bãi bỏ khoản 4.

Điều 32. Bãi bỏ Điều 55.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Điều 56

“Điều 56. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân tham gia thực hiện dự án

1. Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng cần đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có một trong các loại chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hạng I theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng: công trình đường bộ; công trình đường sắt; công trình cầu - hầm;

b) Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế hoặc đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế của ít nhất 01 công trình đường sắt cấp I trở lên hoặc 02 công trình đường sắt cấp II trở lên.

2. Đối với cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đảm nhận các chức danh: chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc các dự án theo quy định tại Nghị định này phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Có giấy phép năng lực hoặc chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp (nội dung hành nghề liên quan đến lĩnh vực do mình đảm nhiệm), có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 07 năm trở lên và đã chủ trì thực hiện công việc tương ứng tối thiểu 02 công trình cùng loại;

b) Đối với những cá nhân thuộc những quốc gia mà quy định pháp luật không yêu cầu về giấy phép năng lực hoặc chứng chỉ hành nghề (có tài liệu chứng minh kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam) thì phải có bằng đại học chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực do mình đảm nhiệm, có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 07 năm trở lên và đã chủ trì thực hiện công việc được giao đối với

01 công trình cùng loại có cấp công trình tương ứng với cấp I trở lên hoặc 02 công trình cùng loại có cấp công trình tương ứng với cấp II theo quy định của pháp luật Việt Nam về phân cấp công trình;

c) Cá nhân người nước ngoài hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên thì chứng chỉ hành nghề, giấy phép năng lực hoặc bằng đại học (trong trường hợp thuộc những quốc gia mà quy định pháp luật không yêu cầu về giấy phép năng lực hoặc chứng chỉ hành nghề) phải hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch tiếng Việt được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Ngoài những lĩnh vực nêu trên thì các cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải đảm bảo các yêu cầu về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng.”.

Điều 34. Bãi bỏ điểm a khoản 2 Điều 62.

Điều 35. Thay thế cụm từ “Hội đồng thẩm định nhà nước” bằng cụm từ “Hội đồng thẩm định” tại điểm a khoản 3 Điều 1; khoản 1 và khoản 2 Điều 15; khoản 4 Điều 59.

Điều 36. Thay thế cụm từ “phòng, chống cháy nổ” bằng cụm từ “phòng cháy và chữa cháy” tại khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 38; khoản 3 Điều 41.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2026/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 3 NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH VỀ THIẾT KẾ KỸ THUẬT TỔNG THỂ CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA, TUYẾN ĐƯỜNG SẮT ĐỊA PHƯƠNG

Điều 37. Bãi bỏ khoản 3 Điều 1.

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2

“2. Các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Mục 1 Chương IV Nghị định này áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương thực hiện theo hình thức đầu tư công hoặc PPP theo quy định của pháp luật về xây dựng.”.

Điều 39. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thuyết minh của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Sự cần thiết, mục tiêu đầu tư xây dựng, quy mô công suất; đánh giá sự phù hợp với chủ trương đầu tư (nếu có);

b) Địa điểm xây dựng, diện tích và chức năng sử dụng đất; đánh giá sự phù hợp với quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án và quy hoạch có liên quan;

c) Phân tích các yếu tố đảm bảo thực hiện dự án về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, sử dụng tài nguyên, sử dụng lao động, lựa chọn công nghệ, thiết bị, giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, khai thác, sử dụng;

d) Phương án phân chia dự án thành phần, dự án thành phần độc lập, phân kỳ đầu tư (nếu có);

đ) Đánh giá tác động môi trường và việc bảo vệ môi trường (trường hợp có yêu cầu lập Báo cáo riêng theo pháp luật về bảo vệ môi trường, nội dung thuyết minh chỉ nêu kết quả thực hiện);

e) Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có);

g) Chủ đầu tư; hình thức quản lý dự án; dự kiến thời gian thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện theo yêu cầu tại chủ trương đầu tư (nếu có);

h) Tổng mức đầu tư xây dựng của dự án theo quy định tại Điều 24 Nghị định này;

i) Nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn (nếu có); phân tích tài chính, rủi ro; chi phí khai thác, sử dụng công trình; dự kiến về khả năng đáp ứng nguồn vốn cho khai thác, bảo trì, công trình;

k) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, việc bảo đảm quốc phòng - an ninh của dự án;

l) Phương án đào tạo, chuyển giao công nghệ, vận hành khai thác, duy tu bảo trì (nếu có);

m) Kiến nghị các cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án;

n) Đề xuất kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, phương án phân chia các gói thầu thi công xây dựng, gói thầu EPC, EC, EP;

o) Các nội dung cần thiết khác.”.

2. Bãi bỏ khoản 4.

Điều 40. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đối với dự án đầu tư công, dự án PPP, nội dung thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng gồm:

a) Đánh giá sự phù hợp của thiết kế FEED với quy hoạch mạng lưới đường sắt, quy hoạch khác có liên quan (nếu có) đối với dự án đường sắt quốc gia; với phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến được phê duyệt, quy hoạch khu vực TOD được phê duyệt đối với dự án đường sắt địa phương, dự án đường sắt địa phương theo mô hình TOD;

b) Khả năng kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu vực;

c) Kiểm tra kết quả thẩm tra của nhà thầu tư vấn thẩm tra về: việc đáp ứng yêu cầu về an toàn công trình; yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy; sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

d) Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với dự án đầu tư kinh doanh theo pháp luật về xây dựng, nội dung thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

“d) Tổng mức đầu tư xây dựng; nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ; phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội;”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng tại điểm d khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.”.

Điều 41. Bãi bỏ Chương III.

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Điều 23

“Điều 23. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính

1. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính của Báo cáo giữa kỳ nêu tại Điều 11 Nghị định này gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng.

2. Tổng mức đầu tư xây dựng ước tính được xác định trên cơ sở thiết kế FEED của Báo cáo giữa kỳ. Phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng ước tính thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.”.

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Điều 24

“Điều 24. Tổng mức đầu tư xây dựng

1. Tổng mức đầu tư xây dựng là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định phù hợp với thiết kế FEED và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng được xác định và quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Trường hợp dự án được phân chia thành các dự án thành phần; dự án thành phần độc lập (nếu có) thì tổng mức đầu tư xây dựng của dự án gồm tổng mức đầu tư xây dựng các dự án thành phần; dự án thành phần độc lập.

2. Được tính toán, xác định trong tổng mức đầu tư xây dựng các khoản mục chi phí như các dự án đường sắt có tính chất, điều kiện triển khai tương tự trên thế giới đối với các khoản mục chi phí chưa được quy định trong pháp luật Việt Nam hoặc đã có quy định trong pháp luật Việt Nam nhưng chưa phù hợp với tính chất, điều kiện triển khai dự án. Trong đó:

a) Chi phí tư vấn xây dựng gồm các chi phí tư vấn xây dựng theo quy định; chi phí tư vấn hỗ trợ chuẩn bị dự án; chi phí thuê tư vấn hỗ trợ quản lý dự án (nếu có); chi phí tư vấn pháp lý (nếu có); chi phí tư vấn có liên quan đến việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án; chi phí tư vấn đánh giá an toàn hệ thống; các chi phí tư vấn khác theo thông lệ quốc tế và điều kiện của dự án (nếu có) thuộc chi phí tư vấn xây dựng trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án;

b) Chi phí khác gồm các chi phí khác theo quy định; các chi phí khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án; các chi phí khác theo thông lệ quốc tế và điều kiện của dự án (nếu có) thuộc chi phí khác trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án.

3. Tổng mức đầu tư xây dựng được điều chỉnh khi dự án được điều chỉnh quy định tại Điều 18 Nghị định này. Việc thẩm tra, thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 16 Nghị định này và quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tổ chức lập, thực hiện thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí các công việc được triển khai thực hiện đồng thời quy định tại Điều 30 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15. Các chi phí này sau khi được phê duyệt được cập nhật vào tổng mức đầu tư xây dựng.

5. Chi phí cho hoạt động tham vấn tổ chức trong nước và nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 do các bên tự cân đối, thu xếp.”.

Điều 44. Bãi bỏ Điều 25.

Điều 45. Bãi bỏ Điều 26.

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 28

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Dự toán gói thầu EPC, EC, EP:

a) Dự toán gói thầu EPC, EC, EP được xác định trên cơ sở các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng và các nội dung khác trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, phù hợp với thiết kế FEED, nội dung, phạm vi, thời gian thực hiện của gói thầu; và được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu).

b) Căn cứ tổng mức đầu tư xây dựng, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu được duyệt theo quy định tại điểm a khoản này, chủ đầu tư cập nhật giá gói thầu EPC, EC, EP theo quy định của pháp luật về đấu thầu (nếu cần thiết); tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.”.

2. Bãi bỏ khoản 2.

Điều 47. Bãi bỏ Điều 31.

Điều 48. Bãi bỏ Điều 32.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 49. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 50. Điều khoản chuyển tiếp

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt đã được phê duyệt trước ngày Nghị định có hiệu lực thi hành thì không phải phê duyệt lại; các công việc tiếp theo thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt đã trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đủ điều kiện thẩm định nhưng chưa có thông báo kết quả thẩm định thì tiếp tục thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nghị định số 123/2025/NĐ-CP, Nghị định số 67/2026/NĐ-CP; các công việc tiếp theo thực hiện theo quy định của Nghị định này. Trường hợp không đủ điều kiện thẩm định hoặc kết quả thẩm định là chưa đủ điều kiện để tổng hợp, trình phê duyệt thì việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). *th*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Gia Túc

Phụ lục I
BỔ SUNG PHỤ LỤC I BAN HÀNH KÈM THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2025/NĐ-CP
(Kèm theo Nghị định số 352/2026/NĐ-CP
ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

**NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng ban hành theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định này phải bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, trong đó:

a) Phạm vi điều chỉnh bao gồm: quy định nguyên tắc hoạt động, trách nhiệm, quyền hạn, chế độ hội họp, thông tin, báo cáo và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng;

b) Đối tượng áp dụng bao gồm: Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng, cơ quan thường trực Hội đồng, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thẩm định hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án.

2. Quy định về nguyên tắc hoạt động của Hội đồng:

a) Hội đồng thực hiện chế độ làm việc theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Nghị định này;

b) Thành viên Hội đồng, cơ quan thường trực Hội đồng, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được sử dụng con dấu của đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng;

c) Hội đồng, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành tự giải thể sau khi người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

3. Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng, cơ quan thường trực Hội đồng và tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, trong đó:

a) Đối với Hội đồng:

- Thực hiện các quyền hạn được quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức thẩm định và các hoạt động thẩm định theo nhiệm vụ được giao; ý kiến đánh giá kết quả thẩm định, kết luận và kiến nghị của Hội đồng về các nội dung của dự án được phân công. Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thể hiện rõ việc tiếp thu đầy đủ ý kiến thành viên Hội đồng và thể hiện rõ quan điểm dự án đủ điều kiện hay không đủ điều kiện để xem xét, quyết định đầu tư;

- Được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp tham gia thẩm định hoặc yêu cầu chủ đầu tư thuê tổ chức thẩm tra phục vụ thẩm định. Chi phí mời tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định hoặc chi phí thẩm tra phục vụ thẩm định được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư và do chủ đầu tư chi trả;

- Được yêu cầu cơ quan quản lý quy hoạch, kiến trúc địa phương nơi có dự án cung cấp thông tin về quy hoạch có liên quan trong trường hợp cần thiết;

- Được bảo lưu kết quả thẩm định, từ chối thực hiện yêu cầu làm sai lệch kết quả thẩm định.

b) Đối với Chủ tịch Hội đồng:

- Xem xét phê duyệt kế hoạch thẩm định bao gồm nội dung thuê tư vấn thẩm tra (nếu có); quyết định triệu tập các cuộc họp Hội đồng, chủ trì các phiên họp; phân công trách nhiệm của Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng;

- Ký biên bản, kết luận cuộc họp của Hội đồng và Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án;

- Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng có thể giao Phó Chủ tịch Hội đồng triệu tập và chủ trì các phiên họp Hội đồng hoặc ký biên bản, kết luận cuộc họp của Hội đồng.

c) Đối với Phó Chủ tịch Hội đồng:

- Giúp Chủ tịch Hội đồng điều hành các hoạt động của Hội đồng; theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công; báo cáo Chủ tịch Hội đồng về tình hình và kết quả thực hiện của Hội đồng;

- Phê duyệt nội dung, chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng giao;

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên tổ chuyên gia thẩm định liên ngành;

- Giúp Chủ tịch Hội đồng xem xét, đánh giá các báo cáo thẩm định của tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và các hoạt động khác của Hội đồng;

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác của thành viên Hội đồng.

d) Đối với các thành viên Hội đồng:

- Xem xét, có ý kiến về các nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án liên quan đến các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan và địa phương do mình phụ trách và về những vấn đề chung của dự án theo kế hoạch thẩm định của Hội đồng;

- Huy động nhân lực, phương tiện làm việc, cơ sở nghiên cứu thuộc quyền quản lý của mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng; trao đổi, đóng góp ý kiến về các nội dung xem xét, thẩm định và biểu quyết các kết luận của Hội đồng. Trường hợp không thể tham dự cuộc họp của Hội đồng, thành viên Hội đồng phải ủy quyền cho người đại diện có thẩm quyền tham dự cuộc họp của Hội đồng và phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung được lấy ý kiến;

- Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm tham gia ý kiến đúng thời hạn theo đề nghị của Hội đồng; trường hợp quá hạn chưa trả lời thì được xác định là thống nhất với nội dung lấy ý kiến của Hội đồng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc không trả lời đúng hạn;

- Chịu trách nhiệm về các ý kiến thẩm định và biểu quyết của mình.

đ) Đối với cơ quan thường trực Hội đồng:

- Giúp Chủ tịch Hội đồng tổ chức thực hiện các công việc phục vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án và các hoạt động chung của Hội đồng; phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, tư vấn thẩm tra (nếu có) để thực hiện các công việc phục vụ thẩm định;

- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

e) Đối với tổ chuyên gia thẩm định liên ngành:

- Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành là bộ phận của Hội đồng, thực hiện nhiệm vụ giúp việc thẩm định cho Hội đồng theo các lĩnh vực, chuyên ngành do Chủ tịch Hội đồng phân công tại Quy chế này;

- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định này;

- Tổ chức các cuộc họp thẩm định, thống nhất ý kiến của tổ (bằng biên bản); các cuộc họp do Tổ trưởng hoặc Phó Tổ trưởng tổ chuyên gia thẩm định liên ngành chủ trì;

- Thực hiện các công việc khác được Hội đồng giao.

4. Quy định về cuộc họp của Hội đồng

a) Chuẩn bị cho cuộc họp của Hội đồng:

- Trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định được tiếp nhận hợp lệ theo quy định, cơ quan thường trực Hội đồng gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành tổ chức thẩm định và lập Báo cáo kết quả thẩm định theo lĩnh vực, chuyên ngành được phân công;

- Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định của tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, Hội đồng tổ chức cuộc họp thẩm định với sự tham gia của chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Cuộc họp của Hội đồng:

- Cuộc họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng chủ trì; trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp;

- Chủ đầu tư, Tư vấn liên quan (nếu cần) tham dự cuộc họp của Hội đồng và trình bày về nội dung cơ bản của dự án; cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu có liên quan đến dự án;

- Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành báo cáo về kết quả thẩm định, kiến nghị, đề xuất (nếu có) với Hội đồng;

- Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến thẩm định. Thư ký Hội đồng đọc ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng vắng mặt. Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản thì được xác định là nhất trí với hồ sơ dự án;

- Thư ký Hội đồng ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng. Biên bản cuộc họp gồm những nội dung cơ bản sau: căn cứ pháp lý thành lập Hội đồng; số lượng, thành phần dự họp; nội dung cuộc họp, ý kiến của tổ chuyên gia thẩm định liên ngành; ý kiến của thành viên Hội đồng; ý kiến của chủ đầu tư, tư vấn liên quan (nếu có); kết quả biểu quyết của Hội đồng gồm: kết quả thẩm định, ý kiến bảo lưu của thành viên Hội đồng (nếu có), kiến nghị của Hội đồng; họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng;

Trường hợp ý kiến của thành viên Hội đồng tại cuộc họp thẩm định và ý kiến bằng phiếu khác nhau thì ý kiến bằng phiếu là ý kiến chính thức;

- Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng phải thể hiện rõ hồ sơ dự án đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình phê duyệt dự án. Trường hợp kết luận hồ sơ dự án chỉ đủ điều kiện trình phê duyệt sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì Thông báo kết quả thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện. Thông báo kết quả thẩm định được gửi chủ đầu tư để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời gửi đến các thành viên Hội đồng.

Trường hợp hồ sơ dự án chưa đủ điều kiện trình phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý và gửi hồ sơ đến Bộ Xây dựng để thực hiện việc thẩm định lại theo quy định.

5. Quy định về chi phí hoạt động của Hội đồng

6. Quy định về tổ chức thực hiện Quy chế

a) Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng, cơ quan thường trực Hội đồng và tổ chuyên gia thẩm định liên ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

b) Trong quá trình thực hiện, trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, các thành viên Hội đồng gửi ý kiến về cơ quan thường trực Hội đồng để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định.

7. Các nội dung khác do Chủ tịch Hội đồng quy định tùy thuộc vào yêu cầu phục vụ công tác thẩm định.



Phụ lục II
BỔ SUNG PHỤ LỤC II BAN HÀNH KÈM THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2025/NĐ-CP
(Kèm theo Nghị định số 352/2026/NĐ-CP
ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

CƠ QUAN/TỔ CHỨC PHÊ DUYỆT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án/dự án thành phần/giai đoạn/
hạng mục công trình của dự án (tên dự án)**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC PHÊ DUYỆT

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt và Nghị định số 67/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành về thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt địa phương;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số của (cơ quan thẩm định) về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi (tên dự án/công trình của dự án);

Theo đề nghị của (cơ quan chuẩn bị dự án) tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án/dự án thành phần/giai đoạn/hạng mục công trình (tên dự án/công trình của dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

3. Mã định danh:
4. Địa điểm xây dựng dự án (*ghi địa danh cấp xã, tỉnh*); điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế (*ghi địa danh cấp xã, tỉnh*); diện tích sử dụng đất của dự án.
5. Người quyết định đầu tư:
6. Chủ đầu tư:
7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: (*tên nhà thầu, mã số doanh nghiệp*)
8. Mục tiêu dự án:
9. Quy mô đầu tư xây dựng: Khả năng phục vụ, một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô (như: vận chuyển hàng hóa, hành khách; khổ đường; số đường; tốc độ thiết kế; ...).
- Quy mô các công trình của dự án (*trường hợp chỉ phê duyệt theo giai đoạn thực hiện, phân kỳ đầu tư, một hoặc một số công trình*).
10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:
11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:
- Chi phí đầu tư xây dựng giai đoạn thực hiện, phân kỳ đầu tư, một hoặc một số công trình.
12. Thời gian thực hiện dự án/công trình của dự án; giai đoạn thực hiện dự án/phân kỳ đầu tư (nếu có):
13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:
14. Hình thức tổ chức quản lý dự án:
15. Phương án phân chia gói thầu; dự toán gói thầu EPC, EC, EP (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu):
16. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có):
17. Phương án đào tạo, chuyển giao công nghệ:
18. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):
19. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/
TỔ CHỨC PHÊ DUYỆT**

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ và đóng dấu)